

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HS-ST
Ngày 31 – 12 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Trung Trực

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam D, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam D tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Phương D, sinh năm 2005 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp Hàng C, xã Tạ An Kh, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Minh C (đã chết) và Nguyễn Thị Hải Y; anh (chị) em ruột: 02 người; vợ: chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/10/2024 đến nay (có mặt).

- Bị hại: Bà Mạch Thị U, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: Ấp Tân Thành A, xã Tạ An Kh N, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Ấp Hàng C, xã Tạ An Kh, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 26/10/2024, Nguyễn Phương D điều khiển xe máy biển

số 69F9-5093 đi từ cầu Tô Thị T qua cầu Sông Đầm thuộc khóm 1, thị trấn Đầm D, huyện Đầm D. Lúc này, D thấy bà Mạch Thị U đang đi bộ qua cầu, trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 3 chỉ nên nảy sinh ý định cướp giật tài sản. Để thực hiện hành vi, D quay đầu xe lại chạy áp sát rồi dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền vàng của bà U. Sau đó, D điều khiển xe máy đi đến tiệm vàng Kim Ch thuộc phường 7, thành phố Cà Mau bán được số tiền 14.028.000 đồng. Bán vàng xong, D trả cho Nguyễn Chí Tr số tiền 1.100.000 đồng mượn trước đó và điều khiển xe máy đi đến khóm 1, thị trấn Cái N, huyện Cái N để gặp bạn gái tên Phạm Hồng K. Tại đây, cả hai cùng ăn uống và tiêu xài cá nhân, còn lại số tiền 10.738.000 đồng.

Đến 13 giờ 50 phút ngày 27/10/2024, khi D quay trở về khóm 4, thị trấn Đầm D, huyện Đầm D thì bị lực lượng Công an thị trấn Đầm D tiến hành kiểm tra hành chính, mời về trụ sở làm việc. Qua điều tra, D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-ĐGTS ngày 06/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đầm D, kết luận: 01 sợi dây chuyền loại khoen lặc vàng 18K (loại 610), trọng lượng 03 chỉ có giá trị 16.740.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 áo sơ mi dài tay màu nâu; 01 áo sơ mi màu xanh sọc; 01 quần sọt màu đen; 01 xe máy màu tím, biển số 69F9 - 5093; Tiền Việt N 10.738.000 đồng. Các vật chứng nêu trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D quản lý.

Từ những tình tiết nêu trên, tại Bản Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đầm D đã truy tố bị cáo Nguyễn Phương D về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Phương D mức án từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy: 01 áo sơ mi dài tay màu nâu; 01 áo sơ mi màu xanh sọc; 01 quần sọt màu đen. Trả cho chị Nguyễn Thị Hải Y 01 xe máy màu tím, biển số 69F9 – 5093. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 10.738.000 đồng.

Về án phí hình sự: Bị cáo Nguyễn Phương D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Chí Tr, Phạm Hồng K và tiệm vàng Kim Ch do không biết tài sản do Nguyễn Phương D phạm tội mà có nên không xử lý.

Bị hại bà Mạch Thị U yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Yyêu cầu được nhận lại xe, đổi với 3 chỉ vàng 18k chị đã khắc phục hậu quả thay cho bị cáo chị không yêu cầu bị cáo trả lại.

Lời nói sau cùng bị cáo D yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đàm D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo D thừa nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm D truy tố, cụ thể: Vào khoảng 16 giờ ngày 26/10/2024, tại cầu Sông Đàm thuộc khóm 1, thị trấn Đàm D, huyện Đàm D; Nguyễn Phương D thực hiện hành vi dùng phương tiện xe máy để cướp giật 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 3 chỉ của bà Mạch Thị U có giá trị 16.740.000 đồng.

Theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm”.

Do đó, hành vi của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cho nên, có cơ sở kết luận Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đàm D đã truy tố bị cáo Nguyễn Phương D về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất và mức độ về hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Bởi lẽ, trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã nhận thức được hành vi dùng xe máy để cướp giật tài sản của người khác là thủ đoạn nguy hiểm, có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe và tính

mạng của họ bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý và mong muốn cho hậu quả xảy ra. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây dư luận xấu trong xã hội, làm mất an ninh trật tự ở địa phương.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ông nội bị cáo là người có công với cách mạng, bị cáo có tác động đến gia đình để khắc phục hậu quả, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội với người đủ 70 tuổi theo điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có xem xét đầy đủ hành vi, tính chất, mức độ, hậu quả, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Đó là, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định, nhằm để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả xong, bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Chị Y xác định chiếc xe là tài sản chung của chị và anh Nguyễn Minh C, khi anh C chết do chị quản lý. Việc bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội chị không biết, chị yêu cầu được nhận lại xe. Xét thấy, trình bày của chị Y phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự trả lại cho chị Nguyễn Thị Hải Y 01 xe máy màu tím, biển số 69F9 – 5093 là phù hợp.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy: 01 áo sơ mi dài tay màu nâu; 01 áo sơ mi màu xanh sọc; 01 quần sọt màu đen của bị cáo do không còn giá trị sử dụng.

Đối với số tiền 10.738.000 đồng đã tịch thu của bị cáo là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí hình sự: Bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Đối với Nguyễn Chí Triệu, Phạm Hồng K và tiệm vàng Kim Ch do không biết là tài sản do Nguyễn Phương D phạm tội mà có nên không xem xét xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Phương D phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phương D 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 29/10/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Tịch thu và tiêu hủy: 01 áo sơ mi dài tay màu nâu; 01 áo sơ mi màu xanh sọc; 01 quần sọt màu đen của bị cáo do không còn giá trị sử dụng.

2.2. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hải Y 01 xe máy màu tím, biển số 69F9 – 5093.

2.3. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 10.738.000 đồng.

(Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D đang quản lý).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Phương D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm D;
- Cơ quan Thi hành án hình sự công an huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM 0PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Mai